TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/DS-ST
Ngày 23-12-2019
V/v tranh chấp hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 445/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2019/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TC, xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

+ Ông Võ Văn C, sinh năm 1960 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị V (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TC, xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà mở hụi làm chủ đầu thảo và vợ chồng ông C, bà V tham gia các dây hụi sau:

Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 12/02/2016 gồm 21 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 01 chân hốt ngày 12/5/2016, hụi đã mãn và còn nợ lại 7 lần chưa đóng hụi chết bằng 7.000.000 đồng.

Hụi mùa 5.000.000 đồng khui ngày 06/8/2011âl, gồm 17 chân, 06 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 01 chân hốt ngày 19/02/2014 được 43.550.000 đồng, hụi đã mãn và còn nợ lại 7 lần chưa đóng hụi chết bằng 35.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 22/8/2015 gồm 31 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 02 chân, chân 1 bỏ 1.010.000đ hốt ngày 22/01/2016, chân 2 bỏ 770.000 đồng hốt ngày 22/10/2015, hụi đã mãn và còn nợ lại 9 lần chưa đóng hụi chết bằng 36.000.000 đồng (9 x 2 chân x 2.000.000đ).

Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 16/01/2016 gồm 30 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 01 chân, bỏ 860.000đ hốt ngày 16/6/2016, hụi đã mãn và còn nợ lại 14 lần chưa đóng hụi chết bằng 28.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 28/9/2015 gồm 22 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 01 chân, bỏ 1.010.000đ hốt ngày 28/12/2015, hụi đã mãn và còn nợ lại 4 lần chưa đóng hụi chết bằng 8.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 02/9/2015 gồm 31 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 01 chân, bỏ 450.000đ hốt ngày 02/3/2016, hụi đã mãn và còn nợ lại 12 lần chưa đóng hụi chết bằng 12.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 06/6/2015, gồm 25 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà V và ông C chơi 01 chân, bỏ 380.000đ hốt ngày 06/8/2015, hụi đã mãn và còn nợ lại 4 lần chưa đóng hụi chết bằng 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi là 130.000.000 đồng. Thời gian sau ông C có trả 2.000.000đ và ngày 10/9/2019 ông C trả thêm 1.000.000 đồng, còn lại 127.000.000 đồng bà khởi kiện đòi lại.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 18/11/2019 bị đơn ông Võ Văn C trình bày:* Vợ ông là bà Nguyễn Thị V có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ đầu thảo, ông không hay biết. Trong thời gian này bà V có mở hụi làm chủ đầu thảo được một thời gian thì đình hụi, đi khỏi địa phương. Nay ông không đồng ý trả nợ cho bà N.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà V và ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông C là đúng quy định.

[2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bà V và ông C tham gia chơi 07 dây hụi, đến khi mãn còn nợ lại 130.000.000 đồng, sau đó ông C trả 3.000.000 đồng, còn nợ lại 127.000.000 đồng. Chứng cứ bà N giao nộp cho Tòa án là: Biên bản thỏa thuận hợp đồng giao dịch hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06/8/2011âl, gồm 17 chân có xác nhận có Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc ngày 06/10/2011; "Tờ cam kết"

của Võ Văn C và Nguyễn Thị V cam kết trả hụi mùa đã hốt được 43.550.000 đồng và Biên bản thỏa thuận ngày 10/7/2019 giữa bà N và ông C có nội dung ông C và bà V trả lại cho bà N 130.000.000 đồng tiền nợ hụi. Ngoài ra, khi bà N khởi kiện tại Tòa án đòi lại 127.000.000 đồng thì bà V biết nhưng cho đến nay không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đều này cho thấy bà V chấp nhận còn nợ lại bà N số tiền 127.000.000 đồng đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện.

[3] Ông C cho rằng ngày 10/7/2019 Tòa án có làm văn bản cho hai bên thỏa thuận ông trả cho bà N 130.000.000 đồng là do ông nhận trả giùm cho bà V, thực tế ông không biết số nợ này. Xét thấy, ông C xác định hụi do bà V tham gia, ông không biết và không đồng ý trả nợ là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà V vẫn bình thường, đang tồn tại. Bà V tham gia hụi trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông C, nên tài sản tạo ra thu nhập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung thì nợ trong thời kỳ hôn nhân cũng là nợ chung. Khi bà V bỏ đi, ông C vẫn ký cam kết trả nợ cho bà N 130.000.000 đồng, ký cam kết trả hụi mùa và đã trả được 3.000.000 đồng cho bà N. Do đó, ông C biết bà V tham gia hụi và không có ý kiến phản đối, nên ông C phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà V là có căn cứ.

[4] Từ các căn cứ trên, có cơ sở cho rằng bà V và ông C có tham gia giao dịch 07 dây hụi như bà N khởi kiện, bà V hốt hụi và lĩnh tiền hụi đầy đủ nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng lại hụi chết theo thỏa thuận, làm cho bà N phải thực hiện nghĩa vụ thay với tư cách chủ hụi, người bảo lãnh cho bà V với số tiền 127.000.000 đồng. Do đó, nay bà N khởi kiện đòi lại 127.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, ông C và bà V phải chịu theo quy định pháp luật số tiền là 6.350.000 đồng (127.000.000đ x 5%). Bà N được miễn án phí dự nộp nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Võ Văn C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 127.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C và bà V còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị V và ông Võ Văn C phải chịu 6.350.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên